TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày: 12 - 10 - 2020.
"V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Văn Tân

2/. Bà Đàm Thị Thanh Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLST-DS, ngày 19 tháng 01 năm 2017 về việc *"**Tranh chấp tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản".*** Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Thông báo (Về việc mở phiên tòa xét xử) số 107/TB-TA ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1946 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân B, xã Long B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị D: Luật sư ông Nguyễn Văn Út, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948 (có mặt)

2.2. Bà Huỳnh Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân B, xã Long B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn N: Luật sư ông Phạm Minh Thủ, thuộc văn phòng luật sư Phạm Hùng thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

*3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

3.1 Bà Lê Thị Lệ H (xin vắng mặt).

3.2 Ông Nguyễn Văn H (có mặt).

3.3. Ông Nguyễn Văn Nh (vắng mặt)

3.4. Bà Tôn Thị S (Võ Thị N)

3.5. Bà Bùi Thị H (vắng mặt)

3.6. Bà Trà Thị P (vắng mặt)

3.7. Ông Bùi Minh Đ (vắng mặt)

3.8. Bà Bùi Hồng M (vắng mặt)

3.9. Ông Bùi Minh S (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân B, xã Long B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3.10. Bà Bùi Thị M (vắng mặt)

3.11. Ông Tôn Văn B (vắng mặt)

3.12. Bà Dương Thị Q (có mặt)
Cùng địa chỉ: số A, ấp Tân B, xã Long B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3.13. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: số M, Láng H, phường Thành C, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số B Sư đoàn 361 – Tổ B, phường Yên H, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền ông Hồ Bửu Â, Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2020.

Địa chỉ: khóm C, phường D, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị D trình bày:

Nguồn gốc đất: Vào trước năm 1975 cha bà là ông Bùi Văn S và mẹ bà là Dương Thị Diệu có cho bà phần đất có chiều ngang 20m, dài 32m thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Tân B, xã Long B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (phần đất này hiện nay do ông Tôn Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông B đồng ý trả lại đất cho bà, hiện nay đang làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền), trên đất có mồ mã của ông bà, cha mẹ bà được chôn cất trước năm 1968. Cặp phần đất của

bà là phần đất ông N và bà còn trồng nhiều cây Tràm, Bạch Đàn và Cà Na để làm ranh đất giữa bà và ông N. Vào năm 2005 do hoàn cảnh của bà khó khăn nên bà đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, đến năm 2008 bà trở về nhà thì phát hiện ông N lấn sang phần đất của bà chiều ngang 02m, dài 32m và ông N có chặt khoảng 20 cây Bạch Đàn, Tràm. Khi phát hiện sự việc bà có trình báo đến chính quyền địa phương yêu cầu ông N trả lại đất đã lấn chiếm của bà nhưng ông N không đồng ý. Vào khoảng ngày 27/3/2016 ông N, bà T ngang nhiên qua cưa cây Cà Na của bà trồng từ trước đến nay để làm ranh. Đến ngày 05/8/2016 Uỷ ban nhân dân xã Long B có tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Nay bà yêu cầu ông N và bà T trả lại cho bà phần đất có diện tích 64 m^2 ngang 02m, dài 32m thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Tân B, xã Long B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu ông N bồi thường cho bà 20 cây Bạch Đàn với số tiền 2.000.000 đồng và cây Cà Na giá 300.000 đồng.

Tại phiên tòa Luật sư Nguyễn Văn Út bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

Việc bà D yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận yêu cầu của bà D vì đất này là của cha mẹ bà D để lại cho bà D, các chị em của bà D đều thừa nhận, cũng như việc ông Nhiều cũng thừa nhận bà D còn lại phần đất tại khu vực này trên đất có mồ mã ông bà của bà D nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

**** Theo lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn N:***

Nguồn gốc phần đất tranh chấp này là của cha ông tên Nguyễn Văn M sang của ông Nguyễn Văn H (đã chết) năm 1961, diện tích là 22 công tầm cấy giáp với ông Bùi Văn S chạy thẳng tới đầu ngàn, giữa đất hai bên đều có bờ sẳn của ai nấy sử dụng. Cha ông sử dụng đến năm 1975 thì cho ông miếng vườn diện tích 1500 m^2, còn phần còn lại là của ông H em ông sử dụng không phải của ông, việc ông đang sử dụng phần đất của ông H đứng tên là ông nhận cố của ông H khi nào ông H cần thì lấy đất lại làm, phần đất ruộng ba ông cho ông diện tích là 1,1Ha ông sử dụng đến năm 1983 vào tập đoàn thì phần đất gia đình ông được khoảng 1,77Ha nên Nhà nước lấy đất của ông Nguyễn Văn Chơi (ở ấp Tân B, xã Long B) trang trãi cho ông, sau khi bãi tập đoàn đất của ông C thì ông trả lại cho ông C của ông sử dụng đủ diện tích cũ còn phần của ông Ngô Văn V (chồng bà D) diện tích khoảng 1,58Ha do bên bà D không đủ đất có lấy đất của ông Mai Văn D khoảng 09 công với lấy của ông S cho đủ diện tích. Sau khi bãi tập đoàn cũng đã trả chủ cũ bà D có khoảng 3,5 công tầm cấy, sau khi bãi tập đoàn thì ông vẫn sử dụng phần đất của ông đến khi có lệnh làm bằng khoán thì ông cũng xin cấp bằng khoán rồi.

Đến năm 2013 thì bà D tranh chấp đất với ông, chính quyền địa phương thỏa thuận cặm ranh xong thì bà D nhổ bỏ cọc và thưa ra Tòa. Phần cây Cà Na là ông trồng nên ông đốn để làm mặt bàn, đất mồ mã bên bà D vẫn còn bên bà D ông không có lấn.

Theo yêu cầu của bà D ông không đồng ý, phần đất bà D yêu cầu chỉ liên quan đến ông một đoạn phía trước còn lại là của ông H đứng tên nhưng ông sử dụng.

Luật sư Phạm Minh Thủ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Phần đất tranh chấp không có mã mồ của gia đình bà D, bà D khởi kiện nhưng không có giấy tờ chứng minh phần đất tranh chấp là của bà D, trong quá trình giải quyết vụ án bà D có nhiều lời khai không thống nhất về quá trình sử dụng cũng như diện tích đất theo bà trình bày. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với ông N, bà T. Cũng như không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà D vì không có căn cứ chứng minh phần cây là do bà D trồng.

Trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Nguyễn Văn Nh trình bày:

Nguồn gốc phần đất của ông trước đây là ông sang của bà D diện tích là 2,5 công, sau đó ông B cũng có sang đất của bà D đến khi có lệnh làm bằng khoán thì ông đứng tên hết, sau đó làm thủ tục chuyển lại cho ông B phần ông B sang của bà D nhưng khi làm bằng khoán thì cấp nhầm số thửa cụ thể đất của ông canh tác thì cấp cho ông B và ngược lại đất ông B thì ông đứng tên. Giữa ông với ông B và D không có tranh chấp gì ông cũng thống nhất việc tách đổi lại giấy chứng nhận cho đúng hiện trạng sử dụng cho ông. Ngoài ra không có yêu cầu gì.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Tôn Văn B trình bày:

Phần diện tích đất 2.599 m^2 đất này là ông sang của bà D, ông Nh cũng sang đất của bà D nhưng khi làm bằng khoán thì để ông Nh đứng tên hết, sau đó làm thủ tục để ông Nh chuyển nhượng lại diện tích này cho ông nhưng thực tế là ông và ông Nh không có giao dịch chuyển nhượng đất. Do cấp nhầm bằng khoán nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông đứng tên thửa 807. Theo như tờ thỏa thuận trả đất là để làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng hiện trạng chứ trên thực tế ông không có trả đất cho bà D và cũng không có tranh chấp gì với bà D và ông Nh. Nay ông chỉ yêu cầu giải quyết xong vụ án để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng hiện trạng. Ngoài ra không có yêu cầu gì.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Quyên trình bày*:**

Phần đất của ông B đứng này chỉ là cấp nhầm, vợ chồng bà cũng thống nhất điều chỉnh lại giấy chứng nhận cho đúng hiện trạng chứ bà và bà D, ông Nhiều không có tranh chấp.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Nguyễn Văn H trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 220 do ông đứng tên là của cha mẹ ông cho ông từ năm 1993, khi cha ông mất ông vẫn canh tác phần đất này liên tục đến năm 2007 thì đăng ký giấy chứng nhận và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2002 ông cố lại cho ông N với giá 70.000.000 đồng, khi nào cần thì lấy lại. Theo yêu cầu của bà D ông không thống nhất vì đất hai bên đều có ranh rõ ràng không có lấn mồ mã của bên bà D cũng vẫn ở đó không có lấn.

Trong quá trình tố tụng, và tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Ngã Năm ông Nguyễn Bửu Ân trình bày:

Ông Nguyễn Văn H có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H đứng tên để vay vốn Ngân hàng với số tiền là 200.000.000 đồng. Hiện nay Ngân hàng không có ý kiến yêu cầu gì đối với phần thế chấp quyền sử dụng đất của ông H trong vụ án này.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị P, Bùi Minh S, Bùi Minh Đ, Bùi Hồng M trình bày:

Không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với phần đất bà D đang tranh chấp với ông N vì đất này bà D được ông Sung cho mọi người đều thống nhất nên để cho bà D tự quyết định.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M, Bùi Kim H không có yêu cầu gì về phần đất này để bà D tự quyết định vì đất của cha mẹ để lại cho bà D.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu đòi lại phần đất và bồi thường thiệt hại, bà cho rằng phần đất tranh chấp là của gia đình bà được cha mẹ bà cho, đất hiện nay do ông Tôn Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông B cũng đồng ý trả lại đất cho bà, trên phần đất bà có trồng một số cây nhưng ông N đốn. Tuy nhiên bà D ngoài lời trình bày ra bà không có căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp này là của bà, ông N cũng không thừa nhận. Theo ông H thì cho rằng phần đất tranh chấp là do ông đứng tên và theo kết quả đo đạc thực tế đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần diện tích đất còn thiếu so với giấy chứng nhận. Cho nên việc bà D yêu cầu đòi ông N trả lại phần đất tranh chấp như trên là không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của bà D đối với ông N, bà Tiến. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với phần cây trồng trên đất bà D cũng không tận mắt chứng kiến việc ông N đốn cây, còn cây Cà Na ông N cho rằng

ông trồng nên ông đốn. Như vậy, bà D cũng không chứng minh được các cây trồng bà yêu cầu ông N bồi thường là của bà nên không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ Hồng, ông Nguyễn Văn Nh, bà Tôn Thị Sil (Võ Thị Nho), bà Bùi Thị H, bà Trà Thị Pg, ông Bùi Minh Đ, bà Bùi Hồng M, ông Bùi Minh S, bà Bùi Thị M, ông Tôn Văn B. Theo ý kiến của các đương sự có mặt, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội D vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất với diện tích 64 m^2 (ngang 02m, dài 32m) tại thửa 807, tờ bản đồ số 04 tọa lạc ấp Tân Bình, xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng của bà Bùi Thị D đối với ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị T, HĐXX thấy rằng bà Bùi Thị D cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà được cha mẹ để lại cho bà 05 công, bà chuyển nhượng cho ông Nhiều 2,5 công, ông B 02 công, phần còn lại là của bà sử dụng và có chôn cất mồ mã ông, bà trên phần đất này, do điều kiện gia đình bà đi làm ăn xa ở nhà thì vợ chồng ông N sử dụng và lấn chiếm phần đất của bà. Ông N cho rằng phần đất tranh chấp ông có sử dụng là do ông nhận cố phần đất này từ ông H vì đất này là của ông H được cha mẹ cho và ông H đứng tên, đất hai bên gia đình đều có ranh rõ ràng, cây Cà Na là của ông trồng thì ông đốn sử dụng, ông không có lấn đất của bà D, cũng như không có đốn cây của bà D nên bà D yêu cầu ông không đồng ý. Xét thấy, bà D khởi kiện cho rằng phần đất của bà phía bên gia đình ông N, bà Tiến lấn trên phần đất này có mồ mã của gia đình bà. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày ra bà D không có căn cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp là của bà, ông N không thừa nhận và theo hiện trạng đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp không có mồ mã trên đó. Theo ông Tôn Văn B cũng xác nhận việc có thỏa thuận trả đất cho bà D là do cấp nhầm bằng khoán nên làm thủ tục để làm lại bằng khoán chứ thực tế không có trả đất. Hơn nữa, phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế hiện nay thuộc thửa 220 do ông Nguyễn Văn H là em của ông Nguyễn Văn N được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà D khởi kiện nhưng ngoài lời trình bày ra bà không có căn cứ hay giấy tờ gì chứng minh phần đất tranh chấp là của bà, vì căn cứ Điều 203 Luật đất đai và khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà Bùi Thị D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị T trả lại diện tích đất 64 m^2 (ngang 02m, dài 32m) thửa 807, tờ bản đồ số 04 tọa lạc ấp Tân B, xã Long B, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng là không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà D.

[3] Xét yêu cầu đòi bồi thường của bà Bùi Thị D cho rằng ông Nguyễn Văn N đốn cây của bà thấy rằng: bà D cho rằng cây của bà trồng nhưng ông N đốn tuy nhiên việc này ông N không thừa nhận, bà D cũng không chứng kiến mà cho rằng ông N tranh chấp là thì ông N là người đốn là không có căn cứ. Mặc dù ông N thừa nhận ông có đốn cây Cà Na nhưng ông cho rằng cây Cà Na do ông trồng nên ông đốn. Như vậy, ngoài lời trình bày ra, bà D cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cây do bà trồng và ông N đốn cây cho nên căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N bồi thường phần cây trồng với số tiền 2.300.000 đồng.

[4] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến là phù hợp và có căn cứ như đã nhận định nêu trên nghĩ nên chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận như đã nêu trên.

[6] Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ý kiến là phù hợp với nhận định của HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[7] Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị D phải chịu án phí theo quy định nhưng bà D là người cao tuổi, thuộc diện hộ nghèo của địa phương có đơn yêu cầu nên được miễn án phí theo quy định quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà D được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Chi phí thẩm định, định giá bà Bùi Thị D phải chịu là 3.082.000 đồng. Bà D đã nộp xong.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35; Điều 91, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 166, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

*** <u>Tuyên xử</u>:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 64 m^2 (ngang 02m, dài 32m) thửa 807, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp Tân B, xã Long B, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), Sóc Trăng và yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Bùi Thị D đối với ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị T.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Bà Bùi Thị D được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà D được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004532 ngày 19/01/2017 nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

[3] Chi phí thẩm định, định giá bà D phải chịu là 3.082.000 đồng (*Ba triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng*), bà đã nộp xong.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Mỹ Hạnh